**Tiết 3: Tiếng Việt:**

**Bài 3: Đọc: TUỔI NGỰA**

**I. Yêu cầu cần đạt.**

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ bài thơ “Tuổi Ngựa”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp với lời nói của từng nhân vật. Nhấn giọng vào từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ thông qua hình ảnh chú Ngựa con.

- Nhận biết được nội dung cuộc trò chuyện của hai mẹ con, cảm nhận được suy nghĩ, cảm xúc của bạn nhỏ về hành trình rong ruổi của chú Ngựa con và hình dung được những cảnh vật tươi đẹp của nhiều miền đất theo tưởng tượng của bạn nhỏ. HIểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Tuổi thơ có nhiều ước mơ, muốn đi đến nhiều nơi, muốn khám phá nhiều điều thú vị của cuộc sống ….

- Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

**II. Đồ dùng dạy học.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng power point.

- Các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy học.**

**1. Khởi động:**

- HS hoạt động N: Nói những điều mình biết về tên gọi của các năm (theo âm lịch)

- HS trao đổi trước lớp

- HS quan sát tranh minh họa SGK tr18, dẫn dắt và giới thiệu bài đọc:

*Bài đọc “Tuổi ngựa” là bài thơ nói về trí tưởng tượng của me bé tuổi Ngựa. Em ước mình sẽ có thể được đến muôn nơi thế nhưng dù có đến đâu em cũng không bao giờ quên trở về với mẹ với quê hương*

**2. Khám phá:**

Luyện đọc

- HS nghe GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm ở những đoạn thơ nói lên hành trình thú vị của chú Ngựa theo trí tưởng tượng phog phú của bạn nhỏ.

- HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài thơ

- 1 HS đọc toàn bài.

- HS chia đoạn:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến Tuổi con là tuổi đi…

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “Ngọn gió của trăm miền”

+ Đoạn 3: Tiếp theo Khắp đồng hoa cúc dại.

+ Đoạn 4: Phần còn lại

- 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- HS luyện đọc từ khó: *triền núi đa, loá màu trắng….*

- HS luyện đọc câu: (Chiếu đoạn 1 hướng dẫn đọc)

- HD đọc đúng ngữ điệu: câu hỏi của con và câu trả lời của mẹ, đọc với giọng hào hùng, xúc động ở đoạn thơ nói về chú ngựa non rong ruổi khắp đây đó.

- 4 HS đọc nối tiếp đoạn.

**3. Luyện tập**

**3.1. Giải nghĩa từ:**

- HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.

- Một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh mình hoạ (nếu có)

+ Tuổi Ngựa: sinh năm Ngựa theo âm lịch

**3.2. Tìm hiểu bài:**

- HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân, …

- Hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

+ Câu 1: Qua trò chuyện với mẹ, vì sao bạn nhỏ lại tưởng tượng mình là chú ngựa con rong ruổi đó đây?

+ Câu 2:

Kể lại hành trình của chú ngựa con theo trí tưởng tượng của bạn nhỏ:

 . Những miền đất đã quên.

 . Những cảnh vật đã thấy

 . Những cảm nghĩ đã có.

+ Câu 3: Qua đoạn thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói với mẹ điều gì?

+ Câu 4: Nêu nhận xét về bạn nhỏ trong bài thơ.

- HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học.

- ***Bạn nhỏ trong bài thơ là một cậu bé có đầy sự tự tin, ước mơ, khao khát được khám phá cuộc sống, thế giới xung quanh. Nhưng sau tất cả, sau mỗi chuyến đi cậu lại trở về với gia đình, trở về trong vòng tay đầy yêu thương, ấm áp của mẹ.***

**3.3. Học thuộc lòng:**

**-** HS học thuộc lòng

 + HS đọc thuộc theo cặp

+ Xung phong đọc thuộc lòng trước lớp

**4. Vận dụng trải nghiệm.**

- HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Tuổi Ngựa”.

- Nhận xét, tuyên dương.

- Dặn dò bài về nhà đọc thuộc lòng bài.

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tiết 4: Tiếng Việt**

**ĐẠI TỪ**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Có thêm kiến thức mới về Đại từ. Bước đầu biết cách sử dụng Đại từ cho phù hợp ngữ cảnh.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ loại tìm được.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Các hoạt động dạy học**

**1. Khởi động:**

- GV tổ chức trò chơi “Đoán xem tôi là ai”

+ Câu 1: Mọi người thường dùng tôi để đặt tên cho các sự vật, hiện tượng tự nhiên, cây cỏ, hoa lá. Đố các bạn tôi là ai?

+ Câu 2: Mọi người thường dùng tôi để miêu tả các đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái… Tôi là ai vậy?

+ Câu 3: Khi các bạn gọi tên các hoạt động, trạng thái ấy là lúc các bạn đang nhắc đến tôi. Đố các bạn biết tôi là ai?

- HS nghe GV dẫn dắt vào bài mới.

**2. Luyện tập**

**Bài 1: Những từ in đậm trong mỗi câu sau được dùng để thay cho từ ngữ nào?**

a. Nắng vàng óng. Lúa cũng **vậy**.

b. Cây tre này cao và thẳng. Các cây kia cũng **thế**.

c. Cánh đồng vàng ruộm báo hiệu một vụ mùa bội thu. **Đó** là thành quả lao động vất vả, “một nắng hai sương" của các cô bác nông dân.

- HS đọc yêu cầu và nội dung:

- HS cả lớp làm việc nhóm 2

- HS các nhóm trình bày.

- HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bài 2. Nhận diện đại từ nghi vấn.**

- HS đọc: Trong những đoạn trích dưới đây, từ nào được dùng để hỏi?

a. Cốc! Cốc Cốc!

– Ai gọi đó?

– Tôi là thỏ…(Võ Quảng)

b. Bé nằm ngẫm nghĩ

- Nắng ngủ ở đâu? Nắng ngủ nhà nắng

Mai lại gặp nhau.(Thụy Anh)

c. Mùa nào phượng vĩ

Nở đỏ rực trời

Ở khắp nơi nơi

Ve kêu ra rả?(Câu đố)

- HS chia nhóm thảo luận.

- HS trình bày trước lớp.

-? Từ dùng để hỏi phải nằm trong loại câu nào?

 ? Dấu hiệu hình thức giúp ta nhận ra câu hỏi là gì?

- Nhận xét chung

***Bài 3: Đọc câu chuyện dưới dây và trả lời câu hỏi.***

Hạt thóc được mẹ lúa yêu thương, chiều chuộng nên rất kiêu. Thóc nói với ngô, khoai, sắn:

– **Ta** là hạt vàng đấy, các **bạn** ạ. Chẳng ai bằng **ta** được.

Ngô liền nói:

- **Cậu** ơi, **tớ** nghĩ **cậu** chỉ là hạt vàng khi ở trên cánh đồng này thôi. Còn nếu ở trong bát cơm, chắc chắn cậu sẽ bị gắp bỏ ra ngoài.

Hạt thóc nghe xong, im lặng.(Phan Tự Gia Bách)

a. Các từ in đậm trong câu chuyện trên được dùng để làm gì?

b. Trong số các từ đó, những từ nào chỉ người nói, những từ nào chỉ người nghe?

**-** 2 Hs đọc câu chuyện Hạt thóc, nêu các các từ in đậm.

**-** HS thảo luận nhóm trao đổi, cử đại diện trả lời.- Lớp nhận xét.

- HS rút ra ghi nhớ: Về đại từ

**Bài 4**:Đóng vai hạt thóc trong câu chuyện Hạt thóc, viết câu đáp lại lời của ngô, trong câu có sử dụng một đại từ.

-HS chia nhóm hoạt động đóng vai, chia sẻ trước lớp

- Bình chọn câu đáp lời hay nhất,

**3. Vận dụng trải nghiệm.**

- HS chơi trò chơi “Ong về tổ”.

+ Câu 1: Đại từ được in đậm trong câu: “Mỗi sáng, Lan đều tập đàn chăm chỉ, việc này giúp bạn chơi đàn ngày càng hay.” thay thế cho phần nào dưới đây?

+ Câu 2: Từ nào trong các từ dưới đây luôn là đại từ?

+ Câu 3: Từ gạch chân trong trường hợp nào dưới đây là đại từ?

- Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà, ...)

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tiết 3: Tăng cường TV**

**Ôn tập về đại từ**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Xác định đúng danh từ, động từ, tính từ

- Hiểu về cách viết bài văn kiểu sáng tạo.

- Hiểu được ý nghĩa câu chuyện.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Các hoạt động dạy học**

**1. Khởi động**

- Chơi TC: Ai nhanh, ai đúng

- Nghe GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới

 **2. Luyện tập**

- 1 học sinh đọc yêu cầu.

- Cả lớp làm việc chung.

**Bài 1.**

- Một số HS trình bày.

- Cả lớp nhận xét nhận xét. GV nhận xét chung và chốt nội dung.

- Nghe GV nhận xét chung.

**Bài 2.**

- 1 học sinh đọc yêu cầu.

- Cả lớp làm việc nhóm bàn.

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả.

**Bài 3.**

- 1 học sinh đọc yêu cầu.

- Cả lớp làm việc nhóm bàn.

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả.

**Bài 4.**

- 1 học sinh đọc yêu cầu.

- Cả lớp làm việc nhóm bàn.

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả.

**3. Vận dụng trải nghiệm**

- HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”.

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tiết 4: Tiếng Việt:**

**Viết: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO**

**I. Yêu cầu cần đạt**

- Lập được dàn ý cho bài văn kể lại câu chuyện với những chi tiết sáng tạo.

- Hiểu được các ý chính có trong bài văn.

- Xác định được bố cục viết bài: mở bài, thân bài và kết bài.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Các hoạt động dạy học**

**1. Khởi động**

-HS nhắc lại cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo đã học ở hai tiết trước:

*Các cách kể chuyện sáng tạo đã học ở bài trước:*

Thêm lời tả, lời kể, lời thoại,…

Thay đổi cách kết thúc của câu chuyện

Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện

- GTB: Buổi học trước chúng ta đã tìm hiểu được các cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo. Ở buổi học này, chúng ta sẽ đi thực hành lập dàn ý cho một đề bài cụ thể.

**2. Luyện tập, thực hành**

**Lập dàn ý cho bài văn kể chuyện sáng tạo**

-HS xác định yêu cầu của hai đề bài:

Đề 1: Viết bài văn kể sáng tạo câu chuyện Thanh âm của gió hoặc Cánh đồng hoa.

Đề 2: Viết bài văn kể chuyện sáng tạo một câu chuyện có nhân vật chính là con vật hoặc đồ vật.

- HS lựa chọn một trong hai đề, xác định yêu cầu trọng tâm của đề bài, sau đó thực hiện các bước sau:

+ Lựa chọn câu chuyện để kể lại

+ Nhớ lại câu chuyện đã chọn và các yếu tố liên quan đến câu chuyện (bối cảnh, nhân vật, diễn biến,…)

+ Lựa chọn cách kể chuyện sáng tạo (sáng tạo thêm chi tiết, thay đổi cách kết thúc, đóng vai câu chuyện)

- HS lập dàn ý theo ba phần MB, TB, KB:

- HS trình bày bài làm của mình, nhận xét nhanh một số bài của HS, khen ngợi những HS thực hiện tốt yêu cầu và hỗ trợ những HS còn gặp khó khăn trong việc lập dàn ý.

- Nhận xét, đánh giá hoạt động.

**3. Vận dụng, trải nghiệm**

-HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chia sẻ với người thân dàn ý bài viết và trao đổi về cách viết những ý sáng tạo trong bài.*

- HS thực hiện nhiệm vụ hoạt động.

- Nhận xét, đánh giá hoạt động của HS.

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*